TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23-01-2024
Về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA,
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1 Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

2 Ông Đặng Văn Đê

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Phùng Nữ Lệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Như Đ – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 372/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc *"Ly hôn, nuôi con"*.Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Ngô Thị N, sinh năm 1990. Địa chỉ:Tổ C, ấp Đ, xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1990. Địa chỉ: B N, khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04-10-2023, trong qúa trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị N1 trình bày:

- Về hôn nhân: Bà N và ông Nguyễn Duy T chung sống vợ chồng từ năm 2021, chung sống tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn năm 2021 tại UBND phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, không có chung quan điểm sống, tính cách khác nhau. Ông T chơi game, không lo làm ăn, không quan tâm gia đình. Bà N đã chịu đựng, đã khuyên giải ông T nhiều lần, tuy nhiên ông T không thay đổi. Sau khi cưới, vợ chồng sinh sống chung với gia đình chồng và có với nhau 01 người con chung. Do mâu thuẫn, từ tháng 3/2023 đến nay bà N và ông T không còn ở chung nữa. Tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Bà N đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn ông T.

- Về con chung: Bà N và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Ngô Khánh N2, sinh ngày 19/7/2021. Từ khi ly thân con ở với ông T, cuộc sống phát triển bình thường. Ly hôn, bà N đồng ý giao con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết

Tòa án đã tống đạt cho ông T thông báo thụ lý, thông báo phiên họp, hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để cung cấp lời trình bày, lời khai, tham gia phiên họp, hòa giải và phiên tòa. Tuy nhiên, ông T vắng mặt không tham gia hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 18/01/2024 ông T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt ông Nguyễn Duy T trình bày:

Ông Nguyễn Duy T đồng ý ly hôn với bà Ngô Thị N, vì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân gần 1 năm nay. Có 01 con chung tên Nguyễn Ngô Khánh N2, sinh ngày 19/7/2021.Ông T sẽ là người trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết. Do bận việc, không tham gia phiên tòa được vì vậy xin trình bày ý kiến và xin được vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại khu phố E, phường L, thành phố B ông T1 khu phố 5 cung cấp: Ông T có đăng ký hộ khẩu, thực tế sinh sống tại số B N, khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.Vợ là Ngô Thị N và có 01 con. Hiện nay vợ chồng không ở chung nhà. Về mâu thuẫn hôn nhân giữa ông T và bà N như thế nào thì địa phương không rõ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, tiến hành thu thập đủ chứng cứ.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng, vắng mặt không có lý do chính đáng khi Tòa án triệu tập hòa giải, bị đơn có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, không tự giải quyết được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N. Về con chung: Giao con chung là cháu N2 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Không giải quyết về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung. Bà N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Ngô Thị N có đơn khởi kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con. Hiện nay ông Nguyễn Duy T đang cư trú tại thành phố B. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp được xác định là "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn ông Nguyễn Duy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai, có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về hôn nhân: Bà N và ông Nguyễn Duy T chung sống vợ chồng từ năm 2021, chung sống tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn năm 2021 tại UBND phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Do vậy, hôn nhân giữa bà ông T và bà N là hợp pháp.

Về mâu thuẫn: Sau khi cưới vợ chồng bà N và ông T sinh sống tại phường P, thành phố B(chung sống với gia đình chồng). Theo bà N cung cấp và tài liệu Tòa án xác minh cho thấy, quá trình sống chung giữa bà N và ông T có mâu thuẫn với nhau. Mâu thuẫn phát sinh do tính cách, quan điểm sống trong sinh hoạt. Bà N cung cấp là do ông T chơi game, không lo làm ăn, không quan tâm gia đình, tính tình không hợp, tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2023 đến nay. Ông T không tham gia hòa giải, tại đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt ông T đồng ý ly hôn do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân. Do vậy có cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T đã đến mức trầm trọng,

đời sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà Ngô Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Duy T

[3] Về con chung: Bà N và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Ngô Khánh N2, sinh ngày 19/7/2021, đang do ông T nuôi dưỡng. Bà N xác định cháu N2 phát triển bình thường về mọi mặt và đồng ý giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Ông T đề nghị được nuôi dưỡng cháu N2. Như vậy, có đủ cơ sở để giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là bảo đảm cuộc sống tốt nhất cho cháu N2 hiện nay. Ông T và bà N không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[5] Về án phí: Bà Ngô Thị N phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N đối với ông Nguyễn Duy T về việc ly hôn, nuôi con.

2 Về hôn nhân: Bà Ngô Thị N được ly hôn ông Nguyễn Duy T

3.Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Duy T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngô Khánh N2, sinh ngày 19/7/2021. Các đương sự không có yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0010186, ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- CCTHA dân sự thành phố Bà Rịa;
- UBND P. Phước Trung,TPBà Rịa
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu

Nguyễn Trọng Anh